TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIÊN LÃNG** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2024/DS-ST
Ngày 24-9-2024
V/v tranh chấp kiện đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN LÃNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Huyền Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hữu Bình;

Ông Nguyễn Duy Viên.

- Thư ký phiên toà: Ông Nghiêm Quang Trường - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Tuân - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/2024/TLST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2024 về việc "Tranh chấp kiện đòi tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2024/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2024/QĐST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Đức T, sinh năm 19xx; địa chỉ: Số nhà 216, khu phố 3/2 thị trấn V, huyện V, thành phố Hải Phòng, có mặt;

2. Bị đơn: Ông Phạm Hồng V, sinh năm 19xx; địa chỉ: Khu 7, thị trấn T, huyện T, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, các lời khai tại Tòa án và tại phiên toà nguyên đơn (ông Phạm Đức T) trình bày:

Ông Phạm Hồng V là nhân viên thị trường Công ty cổ phần dinh dưỡng quốc tế CNC, địa chỉ: Cụm công nghiệp Ba Hàng, phường Nam Đồng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương (viết tắt: Công ty CNC). Ngày 27/8/2022; ông Nguyễn Đức T làm đại lý cám gia cầm cho Công ty CNC lấy tên là Đại lý cám gia cầm Đức T. Vì là nhân viên thị trường của Công ty CNC nên ông V có nhiệm vụ gọi cám cho các đại lý cám của công ty CNC, trong đó có Đại lý cám gia cầm Đức T; Công ty CNC là người trả Lương cho ông V và phần trăm lợi nhuận trên số lượng

cám mà ông V khai thác. Do ông T không thể quản lý được việc xuất gà của các trang trại gà mà Đại lý cám gia cầm Đức T cung cấp cám để thu hồi vốn cám kịp thời nên trong thời gian ông V gọi cám cho Đại lý cám gia cầm Đức T từ Công ty CNC, ông T và ông V có thoả thuận riêng với nhau: Ông V sẽ tìm nguồn tiêu thụ gà thành phẩm cho các trang trại gà mà ông T cung cấp cám; đồng thời thu tiền bán gà từ các trang trại để thanh toán lại khoản tiền cám mà Đại lý cám gia cầm Đức T đã cung cấp cho các trang trại trả lại cho ông T. Thời gian ông V làm thị trường cho Đại lý cám gia cầm Đức T từ ngày 27/8/2022 đến ngày 09/8/2023. Trong thời gian này, do một số lần ông V không quyết toán ngay các khoản tiền đã bán gà từ các trang trại để trả về tiền cám cho ông T nên dẫn tới việc ông V vẫn còn nợ tiền ông T. Ngày 09/8/2023, ông V và ông T quyết toán, chốt sổ với nhau, số tiền ông V còn nợ ông T là 574.118.000 đồng; ông V đã ký xác nhận nợ với ông T tại biên bản này.

Vì ông T còn nợ Cửa hàng thuốc thú y TD tại huyện Tiên Lãng (Cửa hàng này do vợ chồng ông Toàn, bà Dinh làm chủ) 200.000.000 đồng nên ông V đề nghị được đối trừ khoản nợ này từ ông T sang cho ông V; số còn lại ông V hẹn trả ông T sau khoảng 2 - 3 tháng kể từ ngày đối trừ (nội dung đối trừ này, ông V tự viết tại biên bản nhận nợ ngày 09/8/2023). Ngày 21/9/2023, ông T, ông V, vợ chồng ông bà TDđã đối trừ nợ với nhau: Số tiền 200.000.000 đồng ông T nợ ông bà Toàn, Dinh chuyển sang cho ông V. Sau khi đối trừ, ông V còn nợ ông T là 374.118.000 đồng nhưng ông T chỉ yêu cầu ông V trả ông số tiền là 374.000.000 đồng. Việc đối trừ nợ được lập thành biên bản, ghi rõ thời gian, số tiền còn nợ và có chữ ký xác nhận nợ của ông V.

Đến hạn trả nợ, ông T yêu cầu ông V trả ông số tiền 374.000.000 đồng nêu trên nhiều lần nhưng ông V không trả. Nay, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của mình ông Phạm Đức T yêu cầu Toà án buộc ông Phạm Hồng V phải trả ngay cho ông T số tiền 374.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi.

- Quá trình giải quyết vụ án, Toà án yêu cầu ông V giao nộp bản tự khai, tài liệu chứng cứ liên quan đến yêu cầu đòi nợ của ông T cũng như làm việc với ông V về các nội dung liên quan đến việc giải quyết vụ án nhưng ông V chỉ xác nhận mình là nhân viên thị trường của Công ty CNC, ông V không biết ông T là ai, ông V không nợ ông T 374.000.000 đồng như ông T khai nên không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của ông T; các nội dung khác liên quan đến yêu cầu khởi kiện của ông T ông V đều từ chối khai, không hợp tác, không làm việc với Toà án.

Kết quả xác minh thể hiện: Ông V có đăng ký hộ khẩu thường trú và sống tại: Khu 7, thị trấn Tiên Lãng, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng; Ông V là nhân viên thị trường tại Công ty CNC, nhiệm vụ của ông V khi làm tại Công ty CNC là gọi cám từ công ty cho các đại lý cám trong đó có Đại lý cám gia cầm Đức T; Ông V là người gọi khách hàng mua gà thành phẩm từ các trang trại mà đại lý mà do ông T làm chủ cung cấp; Các khoản tiền bán gà từ các trang trại đều do ông V trực tiếp nhận, sau đó ông V có trách nhiệm thanh toán lại cho ông T, để trả tiền cám mà Đại lý cám gia cầm Đức T đã cung cấp cho các trang trại; Ông T có nợ 200.000.000 đồng tiền thuốc thú y của Cửa hàng thuốc thú y Toàn – Dinh tại huyện Tiên Lãng số tiền 200.000.000 đồng; Khoản tiền nợ này của ông T đã được

đối trừ sang cho ông V; Đại lý cám gia cầm Đức T là do một mình ông T tự bỏ vốn, tự kinh doanh nên tiền vốn, việc kinh doanh cũng như thoả thuận về nợ giữa ông T và ông V chỉ một mình ông T biết, vợ và các con của ông T đều không biết, không liên quan đến việc làm ăn của ông T.

Tại phiên tòa, nguyên đơn (ông T) vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn (ông V) vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có người đại diện tham gia phiên tòa, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, không có văn bản thể hiện việc thay đổi quan điểm của mình liên quan đến việc giải quyết vụ án.

- Ý kiến của Kiểm sát viên*:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Thẩm phán đã thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, thu thập chứng cứ, thông báo về việc thu thập được chứng cứ, mở phiên họp, hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định về thẩm quyền, thời hạn, trình tự, thủ tục tố tụng; phiên toà được mở đúng thời hạn, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn vắng mặt tại phiên họp, hòa giải và tại phiên tòa là chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của bị đơn quy định tại các điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các điều 116, 117, 119, 166 Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; căn cứ khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều Điều 228; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Đức T, buộc ông Phạm Hồng V phải trả ông T số tiền nợ gốc 374.000.000 đồng, không phải trả lãi; ông V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Phạm Đức T khởi kiện yêu cầu ông Phạm Hồng V trả ông khoản tiền ông V còn nợ ông T là 374.000.000 đồng. Do đó Đây là tranh chấp về kiện đòi tài sản. Bị đơn là ông Phạm Hồng V, cư trú tại Khu 7, thị trấn Tiên Lãng, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng, theo quy định tại khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các hành vi, quyết định của cơ quan, người có

thẩm quyền tiến hành tố tụng đều hợp pháp; các đương sự, người tham gia tố tụng khác đều không khiếu nại hoặc có ý kiến gì.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn (ông Phạm Hồng V) vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; không có người đại diện tham gia phiên tòa; không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông V.

- Về nội dung:

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Nguyên đơn (ông T) yêu cầu ông V phải trả ngay cho ông T khoản tiền 374.000.000 đồng ông V còn nợ ông T trong thời gian ông V làm thị trường cám gia cầm cho Đại lý cám gia cầm Đức T, không yêu cầu trả lãi. Quá trình giải quyết vụ án, ông V có quan điểm không thừa nhận ông V còn nợ ông T 374.000.000 đồng; từ chối làm việc với Toà án; không chấp hành theo triệu tập, không chấp hành yêu cầu giao nộp bản tự khai, tài liệu chứng cứ liên quan; không chấp hành theo triệu tập của Tòa án; có thái độ không hợp tác, gây khó khăn cho cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tuy nhiên, xét thấy lời khai của nguyên đơn hoàn toàn phù hợp với lời khai của những người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, sự phù hợp đó thể hiện: Mặc dù ông V không thừa nhận nợ ông T 374.000.000 đồng nhưng nội dung Biên bản chốt sổ ngày 08/9/2023 mà ông T giao nộp (có nội dung chốt nợ: Ông V còn nợ ông T 574.118.000 đồng; ông V nhận nợ, thoả thuận trả nợ ông T sau khi đối trừ nợ với ông bà Toàn Dinh) hoàn toàn phù hợp với Biên bản đối trừ chuyển giao nghĩa vụ ngày 21/9/2023; phù hợp với lời khai của người làm chứng về việc đối trừ nghĩa vụ trả nợ 200.000.000 đồng tiền thuốc thú y ông T nợ Cửa hàng thuốc thú ý TD tại huyện Tiên Lãng chuyển nợ sang ông V; phù hợp với lời khai của người làm chứng là các chủ trang trại đã mua cám từ Đại lý cám gia cầm Đức T về việc ông V đã nhận thay ông T các khoản tiền bán gà từ các trang trại gà để thu hồi vốn cám cho Đại lý cám gia cầm Đức T nhưng lại không trả ông T ngay dẫn tới việc ông V nợ tiền ông T. Do đó, có đủ cơ sở khẳng định, ông V và ông T có hợp tác làm ăn với nhau và ông V còn nợ ông T 374.000.000 đồng. Căn cứ Điều 166 Bộ luật Dân sự Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kiện đòi tài sản của ông T, buộc ông V phải trả lại ông T 374.000.000 đồng. Do ông T không yêu cầu ông V phải trả tiền lãi trên số tiền nợ gốc ông V còn nợ ông T nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của ông T được chấp nhận nên ông V phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 24; khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 6, điểm b khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: ông V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 18.700.000 đồng (374.000.000 x 5%).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Đức T: Buộc ông Phạm Hồng V phải trả ông Phạm Đức T số tiền 374.000.000 (Ba trăm bảy mươi bốn triệu) đồng, không phải trả lãi.

Kể từ ngày ông T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông V không chịu thi hành khoản tiền trên thì ông V còn phải chịu lãi, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian và số tiền còn phải thi hành án.

2. Về án phí: Ông Phạm Hồng V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 18.700.000 (Mười tám triệu bảy trăm nghìn) đồng.

3. Về quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Về quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSNDTP. Hải Phòng;
- VKSND huyện Tiên Lãng;
- Chi cục THADS huyện Tiên Lãng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Huyền Trang